

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

Số: 295A./BVĐHYD-QTTN

V/v mời chào giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp lọc HEPA, lọc túi, lọc thô và bông lọc theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp lọc HEPA, lọc túi, lọc thô và bông lọc
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4. Loại hợp đồng: Trọn gói
5. Địa điểm thực hiện: 215 Hồng Bàng, phường 11, quận 5, TP HCM
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 3 tháng
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 10. giờ, ngày 05/01/2023
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Quản trị tòa nhà, hầm 1, khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, phường 11, quận 5, TP HCM

Người liên hệ: Trần Hoàng Vũ

Số điện thoại: 0918.230.435

10. Yêu cầu khác:

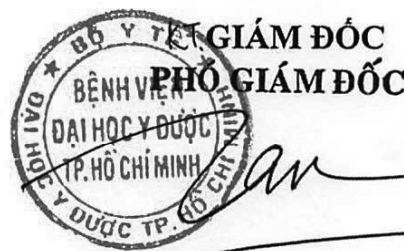
Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./. *Trần*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, QTTN (J09-102-dttthao) (2).



Phạm Văn Tấn

PHỤ LỤC
DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

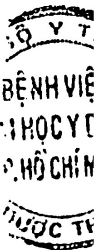
(Kèm theo công văn số/BVĐHYD-QTTN ngày/...../2022)

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Lọc HEPA Kích thước 1220x610x150mm Lưu lượng ≥ 3400 CMH	- Loại: H13 - Khung: Nhôm - Vật liệu: Sợi thủy tinh - Ron: Loại liền khối (auto gasket) mặt gió vào - Lưới bảo vệ: 2 mặt - Độ chênh áp ban đầu: ≤ 250 Pa - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 1822	cái	64
2.	Lọc HEPA Kích thước 1220x610x69mm Lưu lượng ≥ 1200 CMH	- Loại: H13 - Khung: Nhôm - Vật liệu: Sợi thủy tinh - Ron: Loại liền khối (auto gasket) mặt gió vào - Lưới bảo vệ: 2 mặt - Độ chênh áp ban đầu: ≤ 110 - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 1822	cái	2
3.	Lọc HEPA Kích thước 1220x610x69mm Lưu lượng ≥ 2100 CMH	- Loại: H13 - Khung: Nhôm - Vật liệu: Sợi thủy tinh - Ron: Loại liền khối (auto gasket) mặt gió vào - Lưới bảo vệ: 2 mặt - Độ chênh áp ban đầu: ≤ 250 - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 1822	cái	10
4.	Lọc HEPA Kích thước 915x610x150mm, Lưu lượng ≥ 1500 CMH	- Loại: H13 - Khung: Nhôm - Vật liệu: Sợi thủy tinh - Ron: Loại liền khối (auto gasket) mặt gió vào	cái	6



STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Lưới bảo vệ: 2 mặt - Độ chênh áp ban đầu: ≤ 250 Pa - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 1822		
5.	Lọc HEPA Kích thước 762x610x150mm Lưu lượng ≥ 1250 CMH	- Loại: H13 - Khung: Nhôm - Vật liệu: Sợi thủy tinh - Ron: Loại liền khối (auto gasket) mặt gió vào - Lưới bảo vệ 2 mặt - Độ chênh áp ban đầu: ≤ 250 Pa - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 1822	cái	6
6.	Lọc HEPA Kích thước 610x610x69mm Lưu lượng ≥ 600 CMH	- Loại: H13 - Khung: Nhôm - Vật liệu: Sợi thủy tinh - Ron: Loại liền khối (auto gasket) mặt gió vào - Lưới bảo vệ 2 mặt - Độ chênh áp ban đầu: ≤ 250 Pa - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 1822	cái	15
7.	Lọc HEPA Kích thước 610x610x292mm Lưu lượng ≥ 3400 CMH	- Loại: H13 - dạng chia gió bằng lá nhôm (separator) - Khung: Tôn tráng kẽm - Vật liệu: Sợi thủy tinh - Ron: Loại liền khối (auto gasket) 2 mặt - Độ chênh áp ban đầu: ≤ 350 Pa - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 1822	cái	18
8.	Lọc túi F8 Kích thước: 592x592x380mm Lưu lượng ≥ 3400 CMH	- Khung: Tôn tráng kẽm - Vật liệu: Sợi tổng hợp - Hiệu suất: 90-95%	cái	152

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779-F8		
9.	Lọc túi F8 Kích thước: 592x287x380mm Lưu lượng ≥ 1700 CMH	- Khung: Tôn tráng kẽm - Vật liệu: Sợi tổng hợp - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779-F8	cái	27
10.	Lọc thô G4 Kích thước 592x592x46mm	- Khung: Nhôm dạng lượn sóng - Vật liệu: Sợi tổng hợp - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779-G4	cái	152
11.	Lọc thô G4 Kích thước 592x287x46mm	- Khung: Nhôm dạng lượn sóng - Vật liệu: Sợi tổng hợp - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779-G4	cái	27
12.	Bông lọc bụi G4 (không bao gồm khung lọc) Kích thước 1300x650x20mm	- Khung: không bao gồm - Vật liệu: Sợi tổng hợp - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779-G4	tám	166
13.	Lọc thô G2 Kích thước: 870x450x10mm	- Khung: Nhôm - Vật liệu: Sợi tổng hợp - Lưới bảo vệ 2 mặt - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779-G2	cái	8
14.	Lọc thô G2 Kích thước: 620x450x10mm	- Khung: Nhôm - Vật liệu: Sợi tổng hợp - Lưới bảo vệ 2 mặt - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779-G2	cái	40
15.	Lọc thô G2 Kích thước: 520x350x10mm	- Khung: Nhôm - Vật liệu: Sợi tổng hợp - Lưới bảo vệ 2 mặt - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779-G2	cái	8
16.	Lọc thô G2 Kích thước: 760x350x10mm	- Khung: Nhôm - Vật liệu: Sợi tổng hợp - Lưới bảo vệ 2 mặt	cái	4



STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779-G2		
17.	Lọc thô G2 Kích thước: 650x450x10mm	- Khung: Nhôm - Vật liệu: Sợi tổng hợp - Lưới bảo vệ 2 mặt - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779-G2	cái	2
18.	Lọc thô G2 Kích thước: 500x350x10mm	- Khung: Nhôm - Vật liệu: Sợi tổng hợp - Lưới bảo vệ 2 mặt - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779-G2	cái	2
19.	Lọc thô G2 Kích thước: 610x415x10mm	- Khung: Nhôm - Vật liệu: Sợi tổng hợp - Lưới bảo vệ 2 mặt - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779-G2	cái	2
20.	Lọc thô G2 Kích thước: 590x445x10mm	- Khung: Nhôm - Vật liệu: Sợi tổng hợp - Lưới bảo vệ 2 mặt - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779-G2	cái	4
21.	Bông lọc bụi G2 (không bao gồm khung lọc) Kích thước (dài x rộng x độ dày): 20000x2000x10mm	- Khung: không bao gồm - Vật liệu: Sợi tổng hợp - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN 779-G2	cuộn	1

Yêu cầu chung:

- Hàng hóa cung cấp mới 100%.
- Thời gian bảo hành kể từ ngày nghiệm thu: 12 tháng đối với lọc HEPA, 6 tháng đối với lọc túi và 3 tháng đối với lọc thô.
- Cung cấp CO (đối với hàng nhập khẩu), CQ.
- Nhà sản xuất lọc HEPA, lọc túi, lọc thô: Phải có chứng nhận ISO 9001-2015.
- Nhà thầu phải cung cấp kết quả kiểm tra (test report) của nhà sản xuất cho mỗi lọc HEPA.

- Nhà thầu chỉ thực hiện việc lắp đặt cho các danh mục từ STT 1 đến 7 vào các ngày chủ nhật và tuân theo sự sắp xếp của Bên mời thầu nhằm đảm bảo hoạt động của các phòng mổ không bị gián đoạn.
- Sau khi lắp đặt, nhà thầu mời đơn vị có chức năng đến kiểm tra rò rỉ (chỉ thực hiện vào ngày chủ nhật), toàn bộ chi phí cho việc thực hiện kiểm tra rò rỉ nhà thầu phải chịu trách nhiệm chi trả, với số lượng như sau:

- + Lọc HEPA kích thước 1220x610x150mm, lưu lượng 3400 CMH: 6 cái.
- + Lọc HEPA, kích thước 1220x610x69mm, lưu lượng 1200 CMH: 1 cái.
- + Lọc HEPA, kích thước 1220x610x69mm, lưu lượng 2100 CMH: 1 cái.

Kết quả kiểm tra phải đáp ứng theo tiêu chuẩn EN 1822. Nếu kết quả kiểm tra có bất kỳ thông số nào của lọc không đạt yêu cầu thì nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra cho toàn bộ số lượng lọc HEPA đã lắp đặt.

- Nhà thầu phải có mặt trong vòng 3 giờ kể từ lúc nhận được thông báo của Bệnh viện để khắc phục sự cố.

